

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016





THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy phép Hoạt động số 0026/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("Ngân hàng Nhà nước" hoặc "NHNN") cấp ngày 22 tháng 8 năm 1992, Giấy phép thành lập số 463/GP-UB ngày 1 tháng 9 năm 1992 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300872315, sửa đổi lần thứ 36, ngày 27 tháng 4 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm.

Hoạt động chính của Ngân hàng là cung cấp các dịch vụ ngân hàng, bao gồm hoạt động huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân khác nhau; hoạt động cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân khác nhau trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ và mua bán vàng miếng, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; thực hiện hoạt động bao thanh toán; cung ứng dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính, bảo quản tài sản, cho thuê tủ két, két an toàn; mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay; đại lý bảo hiểm; cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc sở hữu của Ngân hàng; cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Ngân hàng có một (1) Trung tâm kinh doanh và sáu mươi ba (63) chi nhánh và Phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Vào ngày 23 tháng 2 năm 2006, Ngân hàng đã được NHNN chấp thuận về việc thành lập công ty con 100% vốn là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á với vốn điều lệ là 300 tỷ đồng và có thời gian hoạt động là thời gian hoạt động còn lại của Ngân hàng trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam theo Quyết định số 288/QĐ-NHNN. Vốn điều lệ đã góp đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 300 tỷ đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Toàn	Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch	Miễn nhiệm vào ngày 15 tháng 4 năm 2016
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Quốc Mỹ	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Ngô Phúc Vũ	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 4 năm 2016
Bà Võ Thị Tuyết Nga	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 4 năm 2016
Bà Lương Thị Cẩm Tú	Thành viên	Miễn nhiệm vào ngày 15 tháng 4 năm 2016
Bà Đỗ Kim Thư	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Lê Thanh Đạm	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm vào ngày 15 tháng 4 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Triệu Kim Cẩn	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên chuyên trách	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Thủy Vân	Thành viên chuyên trách	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Trang Xuân Tùng	Thành viên chuyên trách	Miễn nhiệm vào ngày 15 tháng 4 năm 2016



THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Ngân hàng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Lương Thị Cẩm Tú	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 4 tháng 4 năm 2015
Bà Võ Thị Tuyết Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 1 tháng 4 năm 2006
Ông Nguyễn Danh Thiết	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 2 năm 2008
Ông Nguyễn Bình Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 10 năm 2009
Ông Nguyễn Vĩnh Lợi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 2 tháng 2 năm 2015
Ông Võ Việt Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 21 tháng 10 năm 2015
Ông Trần Ngọc Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 21 tháng 4 năm 2016
Ông Lê Quang Quảng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2016
Bà Lý Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm vào ngày 24 tháng 3 năm 2016
Ông Trần Khải Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Xuân Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm vào ngày 1 tháng 7 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm vào ngày 22 tháng 3 năm 2016
Bà Trần Thị Bảo Trâm	Kế toán Trưởng	Miễn nhiệm vào ngày 21 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Toàn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016

Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Ngân hàng.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con trong kỳ kế toán sáu tháng. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng và công ty con chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Bà Lương Thị Cẩm Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 10 năm 2016

Số tham chiếu: 60758135/18611298-HN/SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") và công ty con được lập vào ngày 7 tháng 10 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 74, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better
working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Bandara

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 10 năm 2016



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02a/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>30/06/2016 Triệu đồng</i>	<i>31/12/2015 Triệu đồng</i>
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	246.780	271.828
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	5	640.697	393.137
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác		4.534.728	7.280.425
Tiền gửi tại các TCTD khác	6.1	3.170.728	5.678.425
Cho vay các TCTD khác	6.2	1.364.000	1.602.000
Chứng khoán kinh doanh	7	138.769	138.963
Chứng khoán kinh doanh		149.346	149.346
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(10.577)	(10.383)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	-	-
Cho vay khách hàng		26.040.269	20.671.320
Cho vay khách hàng	9	26.255.781	20.866.403
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(215.512)	(195.083)
Chứng khoán đầu tư	11	4.824.217	4.154.640
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		3.413.318	3.398.434
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		1.472.681	801.263
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(61.782)	(45.057)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	369.148	367.320
Đầu tư dài hạn khác		371.280	371.280
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(2.132)	(3.960)
Tài sản cố định		827.935	841.935
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>13.1</i>	<i>384.908</i>	<i>399.890</i>
Nguyên giá tài sản cố định		600.122	594.796
Hao mòn tài sản cố định		(215.214)	(194.906)
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	<i>13.2</i>	<i>44.966</i>	<i>36.830</i>
Nguyên giá tài sản cố định		55.852	43.707
Hao mòn tài sản cố định		(10.886)	(6.877)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>13.3</i>	<i>398.061</i>	<i>405.215</i>
Nguyên giá tài sản cố định		448.472	450.924
Hao mòn tài sản cố định		(50.411)	(45.709)
Tài sản Có khác		1.536.610	1.350.397
Các khoản phải thu	14.1	879.935	601.618
Các khoản lãi, phí phải thu	14.2	409.335	494.256
Tài sản Có khác	14.3	277.472	261.465
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản			
Có nội bằng khác	14.4	(30.132)	(6.942)
TỔNG TÀI SẢN		39.159.153	35.469.965



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02a/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>30/06/2016 Triệu đồng</i>	<i>31/12/2015 Triệu đồng</i>
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước	15	3.106	212.863
Tiền gửi và vay các TCTD khác		3.528.041	6.920.441
Tiền gửi của các TCTD khác	16.1	3.492.821	6.552.021
Vay các TCTD khác	16.2	35.220	368.420
Tiền gửi của khách hàng	17	31.440.474	24.368.265
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	8	-	2.662
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	18	22.902	19.944
Các khoản nợ khác		637.546	531.169
Các khoản lãi, phí phải trả	19.1	550.404	452.455
Các khoản phải trả và công nợ khác	19.2	87.142	78.714
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		35.632.069	32.055.344
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn		3.023.748	3.023.748
Vốn cổ phần		3.021.166	3.021.166
Thặng dư vốn cổ phần		2.547	2.547
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định		10	10
Vốn khác		25	25
Các quỹ dự trữ		199.344	199.014
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(3.254)	-
Lợi nhuận chưa phân phối		307.246	191.859
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	21	3.527.084	3.414.621
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		39.159.153	35.469.965



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02a/TCTD-HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

	<i>Thuyết minh</i>	<i>30/06/2016 Triệu đồng</i>	<i>31/12/2015 Triệu đồng</i>
Cam kết giao dịch hối đoái		29.310	89.019
- Cam kết mua ngoại tệ		14.693	44.518
- Cam kết bán ngoại tệ		14.617	44.501
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		85.471	38.987
Bảo lãnh		188.977	248.907
Tổng cộng	37	303.758	376.913

Người lập:

Bà Phùng Thị Ngọc Vân
Trưởng bộ phận
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Lương Thị Cẩm Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 10 năm 2016



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B03a/TCTD-HN

	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 Triệu đồng	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	1.485.576	1.262.425
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(972.401)	(812.882)
Thu nhập lãi thuần		513.175	449.543
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		29.520	33.889
Chi phí hoạt động dịch vụ		(10.659)	(11.271)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	26	18.861	22.618
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	14.355	1.372
(Lỗ) lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	28	(195)	331
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	9.260	12.522
Thu nhập từ hoạt động khác		10.826	17.748
Chi phí hoạt động khác		(10.342)	(6.710)
Lãi thuần từ hoạt động khác	30	484	11.038
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	31	27.942	16.044
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		583.882	513.468
Chi phí cho nhân viên		(146.181)	(108.206)
Chi phí khấu hao		(30.255)	(30.160)
Chi phí hoạt động khác		(179.579)	(131.484)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	32	(356.015)	(269.850)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		227.867	243.618
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	33	(62.606)	(55.795)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		165.261	187.823
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.1	(35.133)	(42.889)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	20.2	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(35.133)	(42.889)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		130.128	144.934
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	22	431	483

Người lập:

Bà Phùng Thị Ngọc Vân
Trưởng bộ phận
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Bà Lương Thị Cẩm Tú
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 10 năm 2016



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B04a/TCTD-HN

		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 Triệu đồng	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 Triệu đồng
	Thuyết minh		
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		1.570.490	1.277.238
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(874.506)	(747.267)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		19.067	21.367
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		24.099	13.894
Chi phí khác		(1.124)	(5.130)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	30	1.763	8.383
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(334.316)	(257.084)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	20.1	(10.013)	(33.787)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		395.460	277.614
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác		1.467.690	1.297.025
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(692.678)	(1.122.173)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(5.732.817)	(2.677.001)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn	10	(25.452)	(7.673)
Giảm khác về tài sản hoạt động		42.456	1.563
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động			
(Giảm) tăng các khoản nợ NHNN		(209.757)	72.987
Giảm các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		(3.399.197)	(5.973.194)
Tăng tiền gửi của khách hàng		7.078.585	1.972.636
Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro		2.958	-
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(2.662)	-
Giảm khác về nợ phải trả hoạt động		(7.366)	(19.049)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(1.082.780)	(6.177.265)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(11.419)	(23.447)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		11.453	62.347
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	15.000
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	31	27.942	16.044
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		27.976	69.944



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B04a/TCTD-HN

		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 Triệu đồng	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 Triệu đồng
	<i>Thuyết minh</i>		
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn cổ phần từ góp vốn		-	21.166
Cổ tức trả cho cổ đông	23	(691)	(118.717)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(691)	(97.551)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.055.495)	(6.204.872)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		4.833.700	11.471.792
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	34	3.778.205	5.266.920

Người lập:

Bà Phùng Thị Ngọc Vân
Trưởng bộ phận
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Lương Thị Cẩm Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 10 năm 2016